

MỤC LỤC

PHẦN WEB TĨNH

Ngôn ngữ html	1
Căn bản về Dreamweaver	12
Định dạng nội dung.....	21
Cascading style sheet (css)	27
Hosting và domain	36
Liên kết (hyperlink).....	37
Media	42
Table	46
Form	50
JavaScript	61
Spry Menubar	65
Spry Tabbed Panels.....	71
Sử dụng Ultra Menu	74
Sử dụng Sothink Dhtml Menu	79
Jquery	83
Thiết kế Layout	88

PHẦN WEB ĐỘNG

TẠO VÀ QUẢN LÝ DATABASE VỚI PHPMYADMIN

1. Sử dụng PhpMyAdmin.....	104
2. Tạo và quản lý database thegioiweb.....	112
3. Tạo và quản lý database sanpham.....	115
4. Tạo và quản lý database nhac.....	117

CÀI CÁC TOOL WEB ĐỘNG VÀ TẠO SITE PHP

1. Cài Appser 2.5.10.....	119
2. Tạo site PHP.....	123
3. Tạo trang PHP.....	124

NGÔN NGỮ SQL

1. Các câu lệnh quản lý csdl.....	125
2. Các câu lệnh Sql với table.....	125
3. Câu lệnh select đơn giản.....	126
4. Câu lệnh select có sắp xếp dữ liệu.....	127
5. Câu lệnh select có phân nhóm.....	127
6. Câu lệnh select tìm kiếm.....	127
7. Câu lệnh select có kết bảng.....	127
8. Câu lệnh select lồng nhau.....	128
9. Select ngẫu nhiên.....	128

PHP CƠ BẢN

1. Biến.....	129
2. Các phép toán	129
3. Sử dụng if, for, while, do while	129
4. Include, require.....	130
5. Tiếp nhận dữ liệu từ form với \$_POST, \$_GET.....	130
6. Cookie	131
7. Session	132

KẾT NỐI CSDL

1. Kết nối CSDL.....	134
2. Chọn CSDL sử dụng	134
3. Thực thi các câu lệnh truy vấn	134
4. Duyệt recordset.....	134
5. Đếm số record trong recordset.....	135
6. Thông báo lỗi của MYSQL	135
7. Đóng kết nối	135

LẬP TRÌNH DÙNG TOOL

1. Connection	137
2. Recordset	137
3. Hiển thị 1 field (Dynamic text)	138
4. Repeat Region.....	138

5. Recordset Navigation Bar	140
6. Recordset Navigation Status	141
7. Page List	142
8. Page List Limit.....	142
9. Alternate Color	143
10. Alternate Color CSS.....	143
11. Hiện hình có địa chỉ từ database	143
12. Nested Repeat Region Wizard	144
13. Looper Wizard	144
14. Tạo liên kết có truyền tham số (truyền biến)	146
15. Sử dụng tham số trong trang web	146
16. Nested Repeat Region	147
17. Sothink menu với dữ liệu động từ database.....	148

LAB SITE TIN TỨC – PHẦN PUBLIC

1. Trang chủ	153
a. Các quy ước và chuẩn bị	153
b. Tin xem nhiều	154
c. Tin nổi bật	155
d. Tin mới theo từng thể loại	158
e. Form tìm kiếm	162
f. Bình chọn	162
g. Lời hay ý đẹp	164
h. Quảng cáo	165
i. Menu	166
2. Thực hiện trang hiện chi tiết một tin	169
a. Tạo recordset	169
b. Đưa field vào và định dạng	169
c. Cập nhật số lần xem tin	170
d. Tin tiếp theo cùng loại	170
e. Tin cùng sự kiện	170
f. Lồng trang chi tiết tin vào trang chủ.....	172
g. Chỉnh link cho tiêu đề các tin	173
h. Ẩn hiện các thành phần khi xem chi tiết một tin	173
3. Thực hiện trang hiện tin trong 1 loại	174
a. Tạo recordset	174

b. Đưa field vào, liên kết.....	174
c. Lặp.....	175
d. Tạo thanh phân trang.....	175
e. Hiện tên loại tin, tên thể loại chứa tin.....	176
f. Lồng trang tin trong loại vào trang chủ.....	177
g. Chỉnh link trong thanh menu.....	177
4. Thực hiện trang tìm kiếm.....	179
a. Tạo recordset.....	179
b. Hiện thị tin.....	179
c. Lặp.....	180
d. Hiện thanh phân trang.....	181
e. Hiện số tin tìm được.....	181
f. Chỉ hiện kết quả khi tìm có tin.....	182
g. Hiện thông báo khi không tìm được.....	182
h. Lồng vào trang chủ.....	183
5. Hitcounter.....	184
6. Usesronline.....	184

LAB SITE TIN TỨC – PHÂN QUẢN TRỊ

1. Cấu hình website	185
2. Tạo trang đăng nhập	187
3. Thực hiện trang chủ	188
a. Tạo layout	188
b. Tạo header	188
c. Tạo menu và link	189
d. Chèn chức năng hạn chế truy cập	190
e. Chức năng thoát	190
4. Quản lý thể loại	191
a. Tạo trang listtheloai.php với chức năng Dynamic List	191
b. Tạo trang mottheloai.php với chức năng Dynamic Form.....	191
5. Quản lý loại tin	195
a. Tạo trang listloaitin.php với chức năng Dynamic List	195
b. Tạo trang motloaitin.php với chức năng Dynamic Form.....	196
6. Quản lý tin tức	199
a. Tạo trang listtin.php với chức năng Dynamic List	199
b. Tạo trang mottin.php với chức năng Dynamic Form	201
7. Quản lý quảng cáo	210
a. Tạo trang listquangcao.php với chức năng Dynamic List	210
b. Tạo trang motquangcao.php với chức năng Dynamic Form.....	220

8. Thực hiện chức năng quản lý user.....	213
a. Tạo trang listuser.php với chức năng Dynamic List.....	213
b. Tạo trang motuser.php với chức năng Dynamic Form	214
9. Liên kết List Master – List Detail	216
a. Thiết lập liên kết giữa 2 list thể loại và loại tin	216
b. Thiết lập liên kết giữa 2 list loại tin và tin	216

LAB BÁN HÀNG TRỰC TUYẾN

1. Chuẩn bị	218
2. Cấu hình Ecart.....	218
3. Cấu hình User Login	221
4. Hiện danh mục hàng sản xuất.....	222
5. Hiện sản phẩm siêu cấp	224
6. Cấu hình eCart Add to Cart Button.....	226
7. Tạo chức năng đăng nhập	231
8. Hiện sản phẩm mới ra mắt	235
9. Hiện sản phẩm bán chạy	237
10. Cấu hình hiện giỏ hàng (Quick Cart)	239
11. Tạo trang hiện sản phẩm theo loại.....	240
12. Hiện tên loại sản phẩm đang xem.....	242
13. Tạo trang hiện chi tiết sản phẩm	243

14. Hiện đặc tính chi tiết của sản phẩm	245
15. Tạo trang xem giỏ hàng	246
16. Hiện giỏ hàng dạng chỉ xem (Only View Cart)	251
17. Tạo trang lưu đơn hàng (Store Cart Summary in Database)	255
18. Lưu chi tiết các sản phẩm của 1 đơn hàng (Store Cart Details in Database)	257
19. Tạo trang đăng nhập và gửi lại mật khẩu	260
20. Tạo trang cho User đổi thông tin cá nhân	264
21. Tạo trang cho đăng ký thành viên	268

LAB SITE NHẠC

1. Cấu hình thông số login	276
2. Trang chủ	278
3. Tạo trang chi tiết bài hát	282
4. Tạo trang hiện list bài hát trong 1 thể loại	284
5. Tạo trang list bài hát do 1 ca sĩ hát	285
6. Tạo trang xem truyền hình/nghe radio	286
7. Trang nghe nhạc tự chọn	287
8. Tạo playList các bài hát do user chọn	288

UPLOAD VÀ CẤU HÌNH SITE ĐỘNG TRÊN HOST

22. Upload files	290
23. Database: Tạo database, tạo user database, import data	291
24. Chỉnh file Connection	293

25.Chính thống số Hitcounter	294
26.Chính thống số Useronline	295
27.Chính quyền user web trên folder upload, quangcao, includes/common/_temp	295
28.Chính cấu hình Editor	296
CÀI ĐẶT FORUM PHPBB.....	297
JOOMLA 1.5	
1. Các khái niệm cơ bản trong Joomla!	310
2. Cài đặt Joomla	310
3. Cài tiếng việt.....	313
4. Quản lý section.....	313
5. Quản lý category	314
6. Quản lý Article.....	315
7. Quản lý menu	317
8. Quản lý template	321
9. Quản lý Media	322
10.Quản lý Module	323
11.Cấu hình tổng thể website	324
12.Quản lý Front page	324
13.Lab thiết kế web tin tức bằng Joomla 1.5	326

PHẦN LAB MỞ RỘNG

	343
1. Sprymenubar kết hợp database	345
2. Spry tabbed panels kết hợp database	348
3. Sdmenu kết hợp dữ liệu từ database	351
4. Glossy accordion menu kết hợp dữ liệu từ database	356
5. Lab thiết kế Web Flash bằng FLEX.....	364
6. Trình bày tin theo loại (2 cột).....	366
7. Trình bày tin từ database- mẫu 1	370
8. Trình bày dữ liệu từ database – mẫu 2.....	376
9. Nạp lại hình captcha bằng ajax.....	379
10. Tạo rss cho website	381
11. Tạo form liên hệ.....	384
12. Đánh giá dạng sao	385
13. Một số form controls hữu dụng	385
• Numeric Text Field	385
• Smart Date	385
• Masked Text Field	381
• Restrict TextArea	386
• Editable Drop-down	387
• AutoComplete Text Field	388
• Dependent Dropdown wizard	389
• Dependent Dropdown	390
14. Tổng kết các tools	390

NGÔN NGỮ HTML

I. Một số khái niệm

a. Trang web (Webpage)

Trang web (tĩnh) là một file dạng text chứa dữ liệu và các tag HTML. Khi hiển thị trong trình duyệt web, dữ liệu sẽ được hiển thị theo quy định của các tag mà nó nằm trong. Dữ liệu trong trang web có thể là văn bản, hình ảnh, âm thanh, video...

b. Hyperlink:

Hyperlink là 1 liên kết chỉ đến 1 trang web khác. Một trang web có thể chứa nhiều link.

c. Website:

Là 1 tập hợp nhiều trang web thể hiện thông tin của 1 tổ chức, 1 chủ đề nào đó. Mỗi website có 1 trang web gọi là trang chủ, trang chủ sẽ chứa các hyperlink chỉ đến các trang web khác trong website. Người xem sẽ vào website bắt đầu từ trang chủ, từ trang này, nhờ các link trong đó mà họ sẽ đến được các trang khác trong toàn website.

d. Browser (Trình duyệt web)

Là chương trình dùng để xem các trang web. Các trình duyệt web nổi tiếng là Internet Explorer, Firefox

e. WebServer

Là các máy "phục vụ web", đây là các máy tính trên Internet/Intranet có cài chương trình webserver, 2 chương trình webserver nổi tiếng nhất là: IIS và Apache.

Webserver sẽ trả về cho người sử dụng trang web mà họ yêu cầu để họ xem. Webserver liên lạc với browser qua giao thức http. Một Webserver có thể chứa nhiều website.

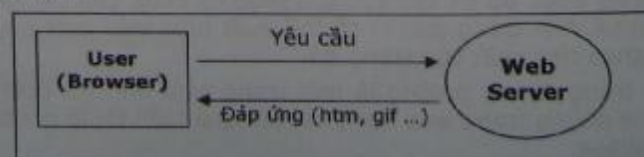
f. Http:

Khi bạn gõ 1 địa chỉ trong thanh Address của browser hoặc nhấp 1 liên kết, giữa browser của bạn và webserver sẽ diễn ra hàng loạt các liên lạc/ trao đổi với nhau để hiển thị trang web cho bạn xem. Những hoạt động liên lạc này là giao thức http

g. Web tĩnh

Là trang web chỉ có tag html và dữ liệu, tất cả đều gõ trực tiếp trong trang chứ không đặt ở nơi khác. File có tên mở rộng là .html hoặc .htm

Mô hình web tĩnh:

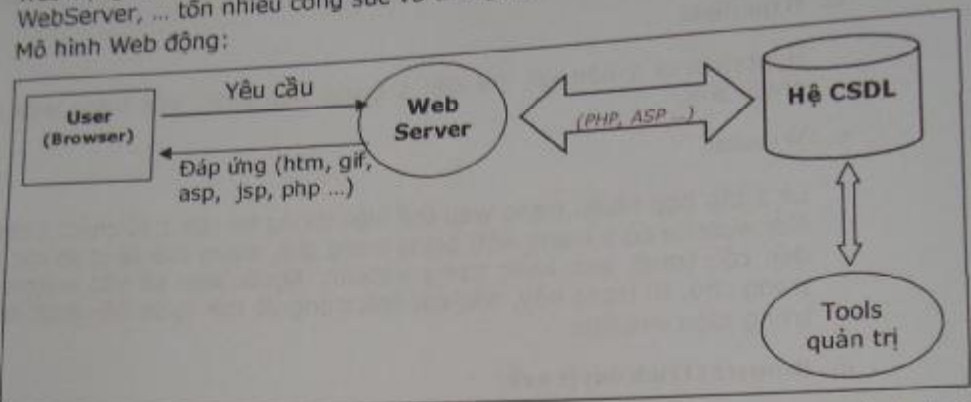


Trong mô hình web tĩnh, user yêu cầu 1 trang web html, trang web này đã được thiết kế sẵn và đặt trên webserver, trang web không hề có tương tác đến CSDL hay hệ thống. Webserver chỉ việc lấy file htm trả về cho user. Vậy là xong.

h. Web động

Là trang web có truy xuất đến cơ sở dữ liệu (Database) hoặc có tương tác với webserver để thực hiện 1 chức năng cao cấp nào đó. Một trang web động có thể trả về những kết quả khác nhau tùy theo yêu cầu của người sử dụng. Thiết kế web động đòi hỏi người thiết kế có nhiều kiến thức: HTML, Javascript, Database, WebServer, ... tốn nhiều công sức và thời gian.

Mô hình Web động:



Trong mô hình web động, Webserver sẽ tương tác với các chương trình "hậu trường" phía sau nó (PHP, ASP...) để thực hiện 1 số việc nào đó, (thường là kết nối cơ sở dữ liệu), các chương trình này lấy dữ liệu trong hệ quản trị cơ sở dữ liệu và thực hiện định dạng (nếu cần) rồi đưa về cho webserver, webserver sẽ trả về cho user.

Các chương trình "hậu trường" như PHP, ASP... là chương trình trung gian, là cầu nối giữa Webserver và cơ sở dữ liệu. Sở dĩ có chúng là vì tương tác với cơ sở dữ liệu không phải là mục tiêu của webserver, nhiệm vụ chính của WebServer là tương tác với user để trả về trang web (qua giao thức http).

i. Các loại trang web trong 1 website

- *Trang chủ (Homepage):*
 Là trang đầu tiên xuất hiện khi website được gọi tên. Trang chủ thường chứa các thông tin căn bản nhất của website và các liên kết đến các trang chuyên đề. Trang chủ có thể có các tên như index.html, default.htm
- *Trang chuyên đề:*
 Là trang lớn mang các liên kết đến các trang đơn vị có cùng tính chất. Ví dụ: Trang chuyên đề giới thiệu lãnh đạo công ty liên kết đến các trang về giám đốc, phó giám đốc, trưởng phòng.... Trang chuyên đề giới thiệu các dịch vụ liên kết đến các trang đơn vị có nội dung giới thiệu từng dịch vụ ...
- *Trang đơn vị:*
 Thường được bố trí vào các thư mục có cùng chủ đề, chứa nội dung cụ thể của website. Một trang đơn vị có thể xuất hiện trên một hay nhiều trang chuyên đề tùy theo tính chất của trang đó.
 Các trang đơn vị thường là một trang web tĩnh với đuôi htm hay html, cũng có thể là những trang web động với kết quả hiển thị là những thông tin trích xuất từ database.

- **Trang phản hồi (Feedback):**
Chứa các form thu nhận thông tin từ người xem. Đây là đặc trưng của Internet: thông tin hai chiều. Người xem web không chỉ nhận thông tin từ web mà còn có thể giao tiếp với chủ website thông qua trang web. Thông tin do người đọc nhập vào có thể hiển thị ngay tại trang web hoặc có thể chuyển đến một địa chỉ email nhất định nào đó hoặc đưa vào cơ sở dữ liệu.
Có nhiều loại trang phản hồi tùy mục đích sử dụng form thu nhận thông tin. Ví dụ trang góp ý, trang đặt câu hỏi thắc mắc...
 - **Trang web động:**
Là trang web có truy xuất đến cơ sở dữ liệu (Database) hoặc có tương tác với webserver để thực hiện 1 chức năng cao cấp nào đó. Một trang web động có thể trả về những kết quả khác nhau tùy theo yêu cầu của người sử dụng. Thiết kế web động đòi hỏi người thiết kế có nhiều kiến thức: HTML, Javascript, Database, WebServer, ... tốn nhiều công sức và thời gian.
- j. Các thành phần thường có trong 1 trang web**
- **Chữ:** Là những thông tin chính trình bày trong trang web.
 - **Hình ảnh:** thường dưới 2 dạng gif và jpg. Gif nhẹ ký nhưng màu sắc đơn giản, jpg nặng ký hơn và màu sắc mịn đẹp. Gif giúp tạo các hình animation chuyển động nhúc nhích làm vui mắt. Hình ảnh nhiều làm cho việc load web chậm.
 - **Banner:** là một file ảnh dùng để quảng cáo.
 - **Logo:** là biểu tượng của website, hoặc của cơ quan chủ quản website.
 - **Counter:** đếm số người truy cập website.
 - **Search form:** là hộp thoại giúp người xem nhanh chóng tìm kiếm thông tin cần tìm. Search form có thể dùng để tìm thông tin trong một trang, một site hay tất cả các site trên toàn cầu.
 - **Navigator (Menu):** là tập hợp những liên kết dẫn đến các trang chuyên đề.
 - **Multimedia:** là các file ảnh, video hay âm thanh lồng trong trang.

II. Giới thiệu HTML:

- HTML (*Hyper Text Markup Language*) là một ngôn ngữ để quy định cách hiển thị thông tin trong trang web. HTML gồm nhiều lệnh, mỗi lệnh gọi là 1 tag. Mỗi tag quy định một cách thức hiển thị dữ liệu trong trang web. Ví dụ như: chữ đậm, chữ nghiêng, màu chữ ... Người xem trang web không thấy các tag mà chỉ thấy các dữ liệu được định dạng bởi các tag. Nói đơn giản : **HTML Là 1 ngôn ngữ dùng để tạo ra các trang web.**
- Các tag cùng với dữ liệu trong đó được lưu trong 1 file text, gọi là trang web. File này thường có tên mở rộng là .html hoặc .htm
- Ví dụ: Nếu bạn gõ như sau khi tạo trang web:

```
Lớp: <b>Web doanh nghiệp</b><br>
Họ tên: <u><i>Nguyễn Văn Tèo</i></u>
```

thì kết quả hiện trong Browser sẽ thế này:

```
Lớp: Web doanh nghiệp
Họ tên: Nguyễn Văn Tèo
```

- Tên tag không quan trọng chữ thường chữ hoa, tên tag phải đặt trong 2 dấu < >, thường có mở và đóng, một số tag chỉ có mở.

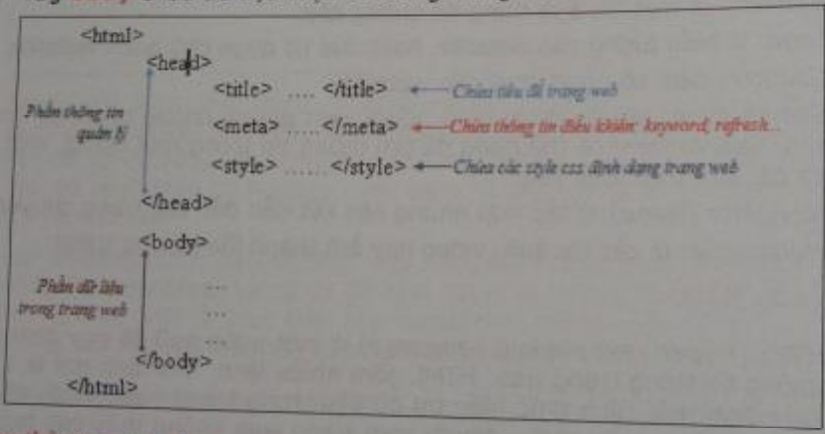
III. Một số tag thường dùng

- ,
- <i>,
- <u>
-
-
- <hr>
-
- <p align=cáchcanh>
-

- Chữ đậm
- Chữ nghiêng
- Chữ gạch dưới
- Tạo 1 hyperlink
- Chèn hình
- Chèn 1 đường gạch ngang
- Chỉ định font chữ
- Tạo paragraph mới
- Xuống hàng, không tạo paragraph mới

IV. Cấu trúc của 1 trang web:

- Một trang web thường có mở đầu và kết thúc bởi tag **html**
- Tag **head** chứa những thông tin để quản lý và hoạt động nội tại bên trong trang web, không hiện ra cho user xem.
- Tag **title** là tiêu đề của trang web, bao giờ cũng nằm trong tag head
- Tag **body** chứa dữ liệu hiện ra trong trang web cho user xem.



V. Soạn thảo trang web:

- Để soạn 1 trang web, bạn dùng 1 chương trình soạn văn bản để gõ. Có thể dùng Notepad, Wordpad hoặc MS Word. Bạn nên dùng notepad vì đây là chương trình đơn giản, dễ dùng, notepad lưu file dưới dạng text - loại file của trang web. Nếu bạn dùng Wordpad hoặc MS Word thì phải chọn dạng file là Text.
- Cách mở Notepad : Nhấp Start → (All) Programs → Accessories → Notepad
- Lưu: Gõ xong bạn nhấp menu File → chọn Save
 - Mục File name: đặt tên file, kể cả tên mở rộng (phải là htm hoặc html)
 - Mục Encoding: chọn UTF-8
 - Nhấp nút Save
- **Lưu ý:** khi soạn thảo trang web, bạn gõ các tag và các dữ liệu bên trong tag. Một đoạn dữ liệu có thể nằm bên trong nhiều tag. Hãy nhớ là các tag được lồng nhau chứ không nên gõ so le nhau. Ví dụ:

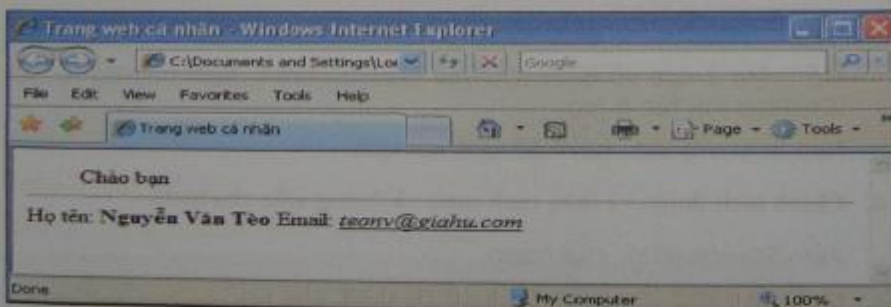
- o Gõ thể này là đúng: ` <i> Nhật nghệ </i> ` → tag i lồng (nằm trọn) bên trong tag b.
- o Gõ thể này là sai: ` <i> Nhật nghệ </i>` → 2 tag so le nhau. Mặc dù gõ thể này đôi khi browser cũng hiện ra nhưng đó là "hên", là nhờ browse thông minh và cấu trúc trang web của bạn đơn giản, trong những trường hợp khác hoặc browser khác thì chưa chắc .

VI. Ví dụ:

- Mở Notepad và gõ nội dung sau:

```
<html>
<head>
  <title>Trang web cá nhân</title>
</head>
<body>
  <marquee> Chào bạn </marquee>
  <hr>
  Họ tên: <b> Nguyễn Văn Tèo</b>
  Email: <i><u> teonv@giahu.com </u></i>
</body>
</html>
```

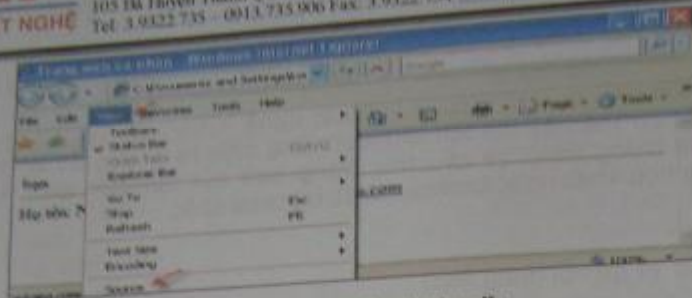
- Nhấp menu File → Save để lưu file. Lưu vào **Desktop** , tên file là **vidu.html**, Encoding là **UTF-8**
- Đóng Notepad
- Nhấp đúp vào file **vidu.html** trên Desktop để xem kết quả



VII. Hiệu chỉnh:

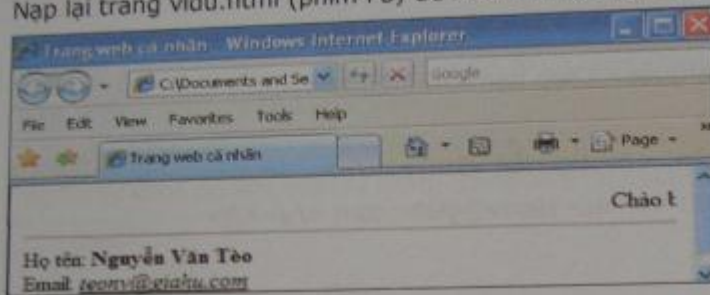
- a. Xem Source HTML của trang :

Trong cửa sổ IE, nhấp menu View → Source, bạn sẽ thấy code HTML của trang:



b. Thêm lệnh xuống hàng giữa Họ tên và Email:

- Thêm sau tag `` lệnh xuống hàng: `
`
- Đóng Notepad và lưu lại.
- Nạp lại trang vidu.html (phím F5) để xem những thay đổi



c. Đưa hình (h.jpg) vào trang web:

- Xem Source HTML của trang
- Nhấp sau tag `<hr>` và gõ như sau:

```
<img src=h.jpg>
```

- Mở thêm 1 cửa sổ Browser. Vào Google, tìm 1 hình nào đó (cỡ lớn) và lưu vào Desktop với tên h.jpg.
- Nạp lại trang vidu.html để xem kết quả

d. Chính kích thước và title, cách canh và đường viền cho hình:

- Xem Source HTML của trang
- Nhấp sau chữ `` và bổ sung để được như sau:

```
<img width=100 height=120 title="Hình tui đó" align=left border=5 src=h.jpg>
```

Xong thì lưu lại

- Nạp lại trang vidu.html để xem kết quả

Chào bạn



Họ tên: Nguyễn Văn Tèo
Email: teony@gnah.com

- Sửa chữ **left** thành **right** và xem kết quả
- e. **Chỉnh direction (chiều cuộn), behavior (cách cuộn), scrolldelay (thời gian dừng), scrollamount (khoảng cách nhảy) của marquee**
- Xem Source HTML của trang
- Nhấp sau chữ `<marquee` và bổ sung để được như sau:

```
<marquee behavior=scroll direction=right scrolldelay=10 scrollamount=1 >
Chào bạn </marquee>
```

Xong thì lưu lại

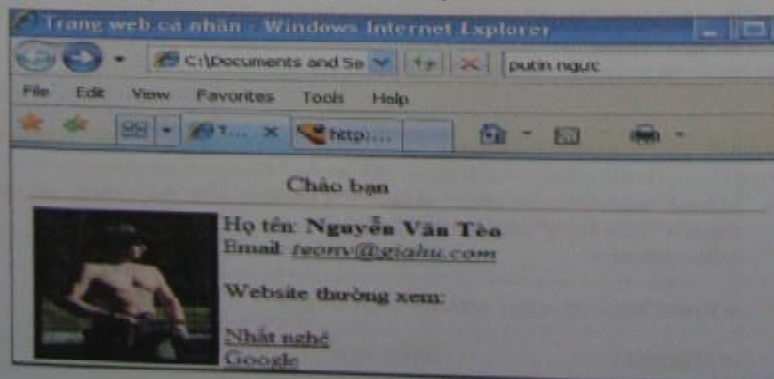
- Nạp lại trang `vidu.html` để xem kết quả
- Có thể sửa chữ **scroll** thành **slide** hoặc **alternate**
- Có thể sửa chữ **right** thành **left** hoặc **up** hoặc **down**
- Có thể sửa số **10**, số **1** thành những giá trị khác (`>=1`)
- f. **Thêm liên kết vào trang (liên kết nằm trong tag a)**

- Xem Source HTML của trang
- Nhấp sau chữ `</i>`, Enter xuống hàng vào nhập vào:

```
<p>Website thường xem: </p>
<a href=http://nhatnghe.com> Nhật nghe</a><br>
<a href=http://google.com target=_blank> Google </a>
```

Xong thì lưu lại

- Nạp lại trang `vidu.html` để xem kết quả



VIII. Các tag HTML căn bản

Tên Tag	Cú pháp	Định nghĩa
<!--...-->	<!-- Nội dung chú thích -->	Chú thích trong HTML
<!DOCTYPE>	<!doctype html public "-//ietf//dtd html Level 1//en">	Ghi thông tin về version HTML áp dụng trong tài liệu Web
<a>	 Tên hiển thị	Tạo liên kết đến trang abc.html
	 Nội dung đoạn văn	In đậm
<big>	<big> Nội dung đoạn văn</big>	Định dạng chữ lớn
<blockquote>		Định nghĩa một khối trích dẫn
<body>	<BODY>Nội dung trang HTML</BODY>	Tag chứa toàn bộ nội dung trang
 	Nội dung đoạn văn bắt đầu một dòng mới	Xuống dòng, không qua đoạn mới
<bgsound>	<bgsound delay="1" loop="-1" src="start.wav">	Nhạc nền cho trang web
<caption>	<table> <caption>Bảng điểm </caption> <tr><td>Tên</td><td>Điểm</td></tr> <tr><td>Tèo</td><td>9</td></tr> </table>	Nhãn của 1 table
<center>	<CENTER>Canh giữa chữ</CENTER>	Canh giữa
<dl> , <dt> , <dd>	<dl> <dt>Definition Term</dt> <dd>Definition of the term</dd> <dt>Definition Term</dt> <dd>Definition of the term</dd> </dl>	dl : Tạo danh sách dạng definition list dt : phần tiêu đề trong 1 mục dd : phần mô tả trong 1 mục
<div>	<div>.....</div>	div chứa 1 vùng dữ liệu trong trang
	 Nội dung 	Định dạng kiểu chữ nghiêng
<embed>	<embed src="yourfile.mid" autostart="true" hidden="false" loop="false">	Nhúng đối tượng (flash, midi, nhạc,...)
<fieldset>		Định nghĩa một fieldset, dùng để bao quanh 1 vùng dữ liệu (cho đẹp)
	Nội dung đoạn văn	Ấn định font, cỡ chữ, mà chữ... của văn bản
<form>	<form method=post action="xuly.php"> </form>	Tạo 1 form
<form> ,	<form method=post action="xuly.php">	form: Tạo 1 form

<code><input></code>	<code><input type="text" size="10" maxlength="30"></code> <code><input type="Submit" value="Submit"></code> <code></form></code>	<code>input</code> : dùng để chèn các text field, button, checkbox, radio button, image field trong form
<code><frame></code>	<code><frame framespacing="40" ...></code>	
<code><frameset></code>	<code><frameset>...</frameset></code>	
<code><h1></code> <code><h6></code>	to <code><h1></code> Tiêu đề 1 <code></h1></code> <code><h2></code> Tiêu đề 2 <code></h2></code> <code><h3></code> Tiêu đề 3 <code></h3></code> <code><h4></code> Tiêu đề 4 <code></h4></code> <code><h5></code> Tiêu đề 5 <code></h5></code> <code><h6></code> Tiêu đề 6 <code></h6></code>	Tạo tiêu đề (cấp 1 đến cấp 6)
<code><head></code> , <code><meta></code>	<code><head></code> <code><meta name="Description" content="Mô tả website"></code> <code><meta name="keywords" content="Từ khóa 1, từ khóa 2,..."></code> <code></head></code>	head : Phần thông tin quản lý meta : Tag Meta chứa các thông tin quản lý trang web. Ví dụ: Mô tả trang, khai báo keyword, tự động chuyển hướng, tạo hiệu ứng chuyển trang ...
<code><hr></code>	<code><hr color="#FF0000"></code>	Tạo một đường gạch ngang
<code><html></code>	<code><html></code> Nội dung <code></html></code>	Tag chứa toàn bộ trang HTML
<code><i></code>	<code><i></code> Nội dung <code></i></code>	Chữ in <i>ngiêng</i>
<code><iframe></code>	<code><iframe name="content_frame" width="488" height="244" src="welcome.htm"> </iframe></code>	Tạo 1 iframe (iframe là 1 vùng trong trang chứa 1 trang web khác)
<code></code>	<code></code>	Chèn hình vào văn bản.
<code><legend></code>		Title của một fieldset
<code></code> , <code></code>	<code></code> <code></code> Danh mục 1 <code></code> <code></code> Danh mục 2 <code></code> <code></code> Danh mục 3 <code></code> <code></code>	ol : Tạo danh sách dạng unordered list li : Tạo 1 mục trong danh sách
<code><link></code>	<code><link href="c1.css" rel="stylesheet" type="text/css" /></code>	Liên kết đến 1 file css
<code><map></code>		Định nghĩa một image map
<code><marquee></code>	<code><marquee direction="left" loop="-1" scrollamount="2" width="100%"></code> Chữ cuộn <code></marquee></code>	Là tag dùng để cuộn (hình, văn bản).
<code><noframes></code>	<code><noframes>....</noframes></code>	Dùng để hiển thị dòng văn bản trong trường hợp trình Browse không hiểu Frame
<code><noscript></code>	<code><noscript></noscript></code>	Dùng để hiện dòng văn bản trong trường hợp Browser không hiểu Script hay khi chức năng này bị